

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36CXD2 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 122067100708 - Quy ho ch tuy n tĩnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030355	36CXD2	H Tu n Anh	26/09/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
2	3671030327	36CXD2	Tr©Qu c B o	04/07/1994				5.5			5.5	1.7	8.5	6.0	7.6	
3	3671030488	36CXD2	Tr n Minh B o	03/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3671031943	36CXD2	Bùi Hòa Bình	08/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
5	3671030472	36CXD2	V½VÑñ C ng	30/03/1994				3.5			3.5	1.1	0.0	0.0	1.1	
6	3671050415	36CXD2	Nguy n H VHO C ng	05/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671030398	36CXD2	Nguy n Duy Châu	24/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671031979	36CXD2	Bi n VÑñ Chính	10/12/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
9	3671032034	36CXD2	Nguy n Th©ñh Dôn	20/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3671031851	36CXD2	Châu Quang ã i	15/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
11	3671030447	36CXD2	Tr n Ng c ã i	17/07/1994				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
12	3671030330	36CXD2	Nguy n Huuñh ã oñ	06/10/1994				6.0			6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
13	3671030337	36CXD2	Nguy n Th©ñh ã ng	21/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671030446	36CXD2	Lâm Minh ã ng	18/06/1994				4.5			4.5	1.4	2.5	1.8	3.1	
15	3671030409	36CXD2	Nguy n Ph¾c H u	14/10/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
16	3671030322	36CXD2	Ngô Hi u	02/06/1993				2.0			2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
17	3671030404	36CXD2	Tr nh Nam Hi p	28/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
18	3671030331	36CXD2	Huñh Ng c Thanh Hoàng	23/02/1994				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
19	3671031860	36CXD2	Nguy n Duy Huy Hoàng	10/04/1994				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067100708 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030376	36CXD2	Tr n Huy	Ho ấ ng	14/08/1994				5.5			5.5	1.7	1.5	1.1	2.7	
21	3671031611	36CXD2	L ấ m V ấ	Huy	25/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	3671030507	36CXD2	Phan Nh t	Huy	09/02/1994				6.0			6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
23	3671030324	36CXD2	D ấ ng Th	Huynh	08/12/1994				4.5			4.5	1.4	2.5	1.8	3.1	
24	3671030444	36CXD2	L u Thanh	H u	10/08/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
25	3671030519	36CXD2	V ấ Tr ấ ng	H u	03/01/1994				6.0			6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
26	3671030497	36CXD2	ấ o ấ Minh	Khoa	05/12/1994				2.5			2.5	0.8	2.5	1.8	2.5	
27	3671030496	36CXD2	Phan Quang	Khoa	07/06/1992				0.0			0.0	0.0	2.0	1.4	1.4	
28	3671030416	36CXD2	V H ấ Ng c	L ấ m	10/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
29	3671030449	36CXD2	Ph m V ấ	Linh	12/09/1994				8.5			8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
30	3671030440	36CXD2	Tr n C ấ ng	L ch	17/07/1994				2.0			2.0	0.6	7.0	4.9	5.5	
31	3671030417	36CXD2	Nguy n ấ c	L u	03/01/1994				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
32	3671030381	36CXD2	Tr ấ ng Quang	L u	28/03/1994				4.5			4.5	1.4	7.3	5.1	6.5	
33	3671030461	36CXD2	Tr n Quang	Minh	27/08/1994				6.0			6.0	1.8	8.5	6.0	7.8	
34	3671030401	36CXD2	ấ inh V ấ	Nam	10/05/1993				3.5			3.5	1.1	7.3	5.1	6.2	
35	3671030385	36CXD2	Ngô Minh	Nh ấ n	24/08/1994				8.0			8.0	2.4	7.3	5.1	7.5	
36	3671031913	36CXD2	Huynh	Ph c	10/07/1994				4.5			4.5	1.4	6.5	4.6	5.9	
37	3671030319	36CXD2	Lê Ho ấ ng	Sa	22/04/1994				6.5			6.5	2.0	2.0	1.4	3.4	
38	3671030485	36CXD2	Nguy n Ho ấ	S n	18/01/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD2 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100708 - Quy ho ch tuy n t ầ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M TH ầ	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3671030361	36CXD2	Hu ầ nh Tr ầ	T ầ	22/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
40	3671030399	36CXD2	L ầ u Thanh	T ầ	07/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
41	3671030342	36CXD2	Tr ầ n Thanh	T ầ n	26/01/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
42	3671030518	36CXD2	Nguy ầ n V ầ	T ầ nh	04/06/1994				5.5			5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
43	3671030516	36CXD2	V ồ Thanh	To ầ n	28/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
44	3671030349	36CXD2	Nguy ầ n Th ầ i Anh	Tu ầ n	02/04/1993				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	N HP
45	3671030491	36CXD2	H ầ Chí	Th ầ nh	17/06/1994				8.5			8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
46	3671030352	36CXD2	Tr ầ n Ngh ầ	Th ầ o	14/10/1993				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
47	3671030346	36CXD2	Ph ầ m Qu ầ c	Th ầ nh	10/05/1994				5.5			5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
48	3671030340	36CXD2	Nguy ầ n Tr ầ n Ninh	Thu ầ n	01/07/1994				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
49	3671030378	36CXD2	V ồ Ho ầ ng Anh	Th ầ	04/02/1994				2.5			2.5	0.8	4.5	3.2	3.9	
50	3671030510	36CXD2	L ầ V ầ	Tr ầ i	23/12/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
51	3671030356	36CXD2	Nguy ầ n Anh	V ầ t	10/08/1991				0.0			0.0	0.0	1.0	0.7	0.7	
52	3671030458	36CXD2	Tr ầ n C ầ ng	V ầ nh	10/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
53	3671030379	36CXD2	M ầ i V ầ	V ầ O	10/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
54	3671030478	36CXD2	V ầ V ầ	V ầ ng	15/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

T ầ ng s : 54 h c sinh sinh v ầ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ầ ng Khoa

G ầ o V ầ n B ầ M ầ n

G ầ o V ầ Khoa